

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HC-PT
Ngày 23 tháng 02 năm 2024
*"V/v khiếu kiện quyết định hành
chính"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Vũ Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Xuân Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2023 “về việc khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022), (có mặt).

- Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm:

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- + Cụ Nguyễn Văn T1, sinh năm 1934;
- + Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960;
- + Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963;
- + Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1963;
- + Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968;
- + Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974;
- + Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978;
- + Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1979;
- + Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T1, bà X, bà T2, ông T3, ông H1, bà B, bà M, bà M1 và ông Đ: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023), (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đã được bổ sung ngày 16 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Q và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:

Vào năm 1991 bà Nguyễn Thị L1 (là mẹ ông Q, đã chết năm 2012) có mua diện tích 300m² đất thổ cư tại thôn H, xã T, huyện B của Ủy ban nhân dân (UBND) xã T thể hiện qua Biên lai thu tiền mặt năm 1991 có đóng dấu của UBND xã T. Sau khi nộp số tiền 800.000 đồng cho UBND xã T thì bà L1 được UBND xã T giao cho mảnh đất này. Quá trình giao đất tại thực địa do Chủ tịch UBND xã T bấy giờ là ông Nguyễn Long X1 cùng các ban ngành đoàn thể xã T đến thực địa để giao đất nhưng không có văn bản nào thể hiện việc giao đất cho gia đình ông Q. Sau khi giao đất xong, bố mẹ ông Q không trực tiếp sinh sống tại đây mà chỉ đắp tường đất xung quanh thửa đất để làm ranh giới. Đến khi ông Quảng lập gia đình, bố mẹ ông Q cho ông Quảng thửa đất này để sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm (do chưa có điều kiện xây nhà). Từ đó đến nay ông Q sử dụng ổn định, không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào, không bị cơ

quan nhà nước xử phạt vi phạm gì liên quan đến thửa đất đã mua của UBND xã T năm 1991.

Năm 1996 UBND xã T có dự án làm đường để xây dựng trường mầm non thôn H qua phần diện tích đất của gia đình ông Q thì Chủ tịch UBND xã T bấy giờ đã đến vận động gia đình ông Quảng h đất để làm đường đi vào trường mầm non thôn H và hứa sẽ đền bù, cấp đổi đất cho gia đình ông Q sang vị trí khác. Do tin tưởng nên gia đình ông Q đã nghiêm túc thực hiện theo sự chỉ đạo này. Tuy nhiên đến nay gia đình ông Q vẫn chưa được UBND xã T cấp đổi sang vị trí khác như đã hứa. Việc Chủ tịch UBND xã T hứa hẹn đổi đất không được lập bằng văn bản. Sau khi hiến đất, tính đến thời điểm hiện nay, diện tích đất của gia đình ông Q chỉ còn là 147,3m², trên mảnh đất này ông Q đã sử dụng để khung thép xây tôn xung quanh, có khoảng 20 đến 30 cây sưa, có 3-4 cây nhãn, 3-4 cây bưởi ... và vật liệu xây dựng (gạch, ngói, cọc bê tông, cát, ...).

Ngày 12/7/2022 UBND xã T ban hành Thông báo số 42/TB-UB (lần 1) với nội dung “UBND xã T yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn Q tự tháo dỡ, thu dọn toàn bộ phần công trình, vật liệu, tài sản trên đất, trả lại mặt bằng cho UBND xã để phục vụ các công trình công cộng...”. Do ông Q có đơn khiếu nại Thông báo số 42/TB-UB nên ngày 14/12/2022 Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q với nội dung giữ nguyên Thông báo số 42/TB-UB. Như vậy, việc UBND xã T ban hành Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 và Quyết định số 232/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình ông Q. Do vậy, ông Nguyễn Văn Q khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T và Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã T, huyện B trình bày:

Về căn cứ ban hành Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T: Trong quá trình quản lý đất tại địa phương, qua công tác kiểm tra việc sử dụng đất của các hộ gia đình trên địa bàn xã T, huyện B thì UBND xã T phát hiện thấy hộ gia đình ông Q đã vi phạm trong việc sử dụng đất thuộc đất giao thông do UBND xã T quản lý đã tiến hành lập Biên bản sự việc ngày 28/02/2022; căn cứ vào biên bản sự việc UBND xã T ban hành Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 căn cứ vào công tác kiểm tra, rà soát của UBND, không căn cứ vào Đơn của ông Q. Sau khi có thông báo số 42 UBND xã T chưa tiến hành lập biên bản vi phạm hay ra Quyết định gì đối với gia đình ông Q. Căn cứ vào bản đồ 299 được xác lập ngày 16/9/1989 thì diện tích đất theo Thông báo số 42 là thuộc một phần đất của Hợp tác xã do UBND xã T quản lý là số thửa 362, tờ bản đồ số 7, diện tích 4900m². Căn cứ sổ mục kê (theo bản đồ 299) được lập năm 2000 thì đất của Hợp tác xã được chia thành 09 thửa đất thổ cư và 01 thửa đất là đất giao thông do UBND xã T quản lý. Thửa đất giao thông do UBND xã T quản lý là thửa số 362.9, tờ bản đồ số 07, diện tích 2516m², không có đất của bà Nguyễn Thị L1 (mẹ ông Q). Căn cứ theo bản đồ quy hoạch đất

giãn dân được UBND tỉnh V (cũ) và UBND huyện T (cũ) phê duyệt ngày 30/8/1996 theo Quyết định số 1752/QĐ-UBND thì thửa đất theo Thông báo số 42 là đất giao thông, không có thửa đất thổ cư của bà Nguyễn Thị L1 hay của ông Q. Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) của trường mầm non H4 tại thửa số 128, tờ bản đồ số 24, diện tích 1239,5m² do UBND tỉnh V cấp ngày 03/11/2011 thể hiện phía trước cổng trường mầm non H4 là đất giao thông, không có đất thổ cư của bất kỳ cá nhân nào. Căn cứ vào bản đồ VN2000 và sổ mục kê (theo bản đồ VN2000) được lập năm 2009 thì diện tích đất theo Thông báo số 42 là đất giao thông, tờ bản đồ 23 và tờ 24, là đất giao thông do UBND xã T quản lý, không có thửa đất của hộ gia đình bà L1, ông Q.

Về việc Chủ tịch UBND xã T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 là thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T do có đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q. Ngày 25/7/2022 UBND xã T nhận được đơn khiếu nại của ông Q đề ngày 20/7/2022 với nội dung khiếu nại Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T. Sau khi nhận được đơn của ông Q, UBND xã T đã chỉ đạo tổ tiếp công dân giải quyết đơn thư của UBND xã T làm việc với ông Q để xác định nội dung khiếu nại có đủ điều kiện thụ lý hay không và kiểm tra lại Thông báo số 42/TB-UB. Ngày 12/8/2022 tổ tiếp công dân giải quyết đơn đã đề xuất thụ lý đơn khiếu nại của ông Q. Ngày 17/8/2022 Chủ tịch UBND xã T đã ra quyết định số 155 về việc xác minh nội dung khiếu nại và thông báo số 50/TB-UBND cho ông Q về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Q. UBND xã T đã chỉ đạo tổ xác minh các nội dung liên quan đến khiếu nại: Xác minh về việc thu tiền của bà L1 mua đất thổ cư tại cổng Hợp tác xã N cũ nay là cổng trường mầm non H4; tiến hành xác minh ông Nguyễn Long X1 nguyên Chủ tịch UBND xã T, các ông Tạ Tiến H2, ông Quan Văn X2, ông Ngô Văn D nguyên là cán bộ địa chính các thời kỳ cam đoan không bao giờ giao đất tại cổng Hợp tác xã N cũ nay là cổng Trường mầm non thôn Hữu Bằng xã H4 cho bà Nguyễn Thị L1 (là mẹ ông Q). Xác minh một số hộ gia đình liên kề và xung quanh Trường mầm non H4. Tại các Biên bản làm việc với ông Q vào các năm 2018, 2019 ông Q thừa nhận là đất UBND xã quản lý không phải đất của bà L1 hay đất của ông Q. Tiến hành đối thoại với người khiếu nại, đại diện của người khiếu nại không cung cấp bản gốc để đối chiếu, không có biên bản giao đất và không có biên bản thu hồi đất tại khu vực cổng T4 mầm non thôn H. Sau khi kiểm tra báo cáo của tổ xác minh UBND xã T căn cứ vào các tài liệu chứng cứ là bản đồ quy hoạch, bản đồ 299, bản đồ VN2000, sổ mục kê, GCN, căn cứ Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì bà L1, ông Q không có giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất nên ông Q không có quyền làm khung thép, xây tôn trên đất tại khu vực cổng Trường mầm non thôn H, xã T.

Về việc thu số tiền 800.000 đồng theo Phiếu thu do ông Quảng nộp tại Tòa án: Qua kiểm tra các hồ sơ sổ sách hiện còn lưu giữ tại UBND xã T thì hiện nay UBND không còn lưu giữ hồ sơ sổ sách gì thể hiện về việc thu số tiền trên. Tuy nhiên qua các biên bản làm việc, xác minh của UBND xã T đối với những người làm tại UBND xã T đó còn sống gồm: nguyên thủ quỹ là ông Tạ Văn P,

nguyên Chủ tịch UBND xã T là ông Nguyễn Long X1, nguyên phó ban tài chính ông Nguyễn Thanh H3 đều khẳng định số tiền 800.000 đồng do UBND xã T thu đối với diện tích đất hiện gia đình ông Q đang làm nhà ở là thửa số 104, tờ bản đồ số 24, diện tích 46,3m² và thửa số 116, tờ bản đồ số 24 diện tích 469,4m² (cụ thể thu cho thửa nào trong hai thửa này thì UBND không xác định được), không thu cho thửa nào khác; UBND xã T khẳng định số tiền 800.000 đồng theo Phiếu thu của bà L1 năm 1991 mà ông Q nộp tại Tòa án thì UBND không thu cho phần đất theo Thông báo số 42 tại khu vực cạnh Trường mầm non H4 là đất giao thông do UBND xã T quản lý.

Đối với vị trí đất tại khu vực Trường mầm non H4 và tại khu vực hiện gia đình ông Q đang ở đều thuộc khu vực chung có tên chung là khu mẫu 2 xã T.

Do đó việc UBND xã T ban hành Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 về việc yêu cầu ông Q tháo dỡ khung thép, quây tôn tại khu vực công Trường mầm non thôn H, xã T và Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 232/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 là đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Long X1 trình bày: Ông làm Chủ tịch UBND xã T từ khoảng năm 1988 - 1989 đến năm 1997 thì nghỉ. Thời điểm ông làm Chủ tịch thì ông Quan Văn X2 làm cán bộ địa chính đến năm 1990 thì chuyển cho ông Tạ Tiến H2 làm cán bộ địa chính. Vào khoảng năm 1990 - 1991 ông không nhớ chính xác năm, UBND xã T có chủ trương bán đất có thu tiền cho các hộ gia đình tại khu vực sân bóng cũ Hữu Bằng trong đó có hộ gia đình bà L1, hiện nay là khu vực đất mà gia đình ông Q đang ở, không liên quan đến diện tích đất theo quyết định hành chính UBND xã T yêu cầu ông Q tháo dỡ tài sản. Đối với diện tích đất ông Q đang khiếu kiện quyết định hành chính thì UBND xã T năm 1990 - 1991 không có chủ trương bán đất có thu tiền tại khu vực hiện nay là gần Trường mầm non H4, trước đây là Hợp tác xã N cũ. Cả 2 khu vực sân bóng Hữu Bằng cũ và Hợp tác xã N cũ đều thuộc cánh đồng mẫu 2 thôn H, xã T. Ông X1 xác định chữ ký dưới mục Chủ tịch UBND xã tại Biên lai thu tiền mặt năm 1991 bản phô tô do ông Quảng nộp tại Tòa án là chữ ký của ông, ông không nhìn rõ nội dung trong Biên lai viết gì, tuy nhiên ông xác định năm 1991 gia đình bà L1 được UBND xã T và cán bộ địa chính giao đất trên thực địa tại vị trí sân bóng Hữu Bằng cũ hiện nay ông Q đang ở, không có Biên bản bàn giao mốc giới trên thực tế, không liên quan gì đến phần diện tích đất ông Q đang khởi kiện tại Tòa án; còn về nội dung ông Q cho rằng ông đến nhà vận động gia đình ông Quảng hiến đất và hứa đền bù cấp đổi cho gia đình ông Q sang vị trí khác là không đúng vì thời điểm năm 1996 khi ông làm Chủ tịch UBND xã T không đến vận động gia đình ông Q, UBND xã cũng chưa bao giờ giao đất cho gia đình ông Q mà phải vận động. Diện tích đất tại vị trí ông Q khởi kiện tại thời điểm ông làm Chủ tịch thì vẫn là đất trống, không có tài sản gì trên đất, mãi sau khi ông nghỉ không làm Chủ tịch nữa thì ông Q mới ra lần chiếm đất.

Người làm chứng ông Tạ Tiến H2 trình bày: Ông làm cán bộ địa chính xã

T từ tháng 12/1990 đến tháng 8/1998. Trong thời gian năm 1990 - 1991 ông có giao cấp đất cho gia đình bà L1 (T) là mẹ của anh Q (H) miếng đất anh Q đang ở bây giờ thuộc khu vực sân bóng mẫu 2, H, ông có đo cấp 2 miếng đất cạnh nhau: 1 miếng là đất ở và 1 miếng là đất ao đào lấy đất đóng gạch, diện tích khoảng 300m², còn phiếu thu của gia đình bà L1, ông không được nhìn thấy. Miếng đất tại công Trường mầm non H4 gia đình anh Q đang khởi kiện ông không được biết và cũng không giao trong thời điểm ông làm địa chính.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh H3 trình bày: Ông làm phó ban tài chính xã T từ tháng 10/1990 đến hết năm 1993, thời điểm đó không có chức danh Trưởng ban tài chính xã. Thời điểm này thì ông Nguyễn Long X1 là Chủ tịch UBND xã và ông Tạ Văn P là thủ quỹ. Thời điểm ông làm tài chính xã ông có đi học 02 đợt từ ngày 15/01/1991 đến ngày 15/4/1991 và từ ngày 20/4/1991 đến ngày 30/6/1991. Đối với Biên lai thu tiền mặt của anh Q ở H trước đây ông không hề biết, đến ngày 11/3/2022 khi lãnh đạo xã T đến nhà ông làm việc thì ông mới biết có biên lai này còn mới nguyên, không tẩy xóa, ông khẳng định dưới dòng chữ phó ban tài chính đúng là chữ ký của ông, ông đã được xem chữ viết của tờ B1, ông xác định không phải chữ viết của ông. Qua thời gian ông đi học về kiểm tra sổ sách thì không có tên của bà L1, anh Q nộp 800.000 đồng tiền lệ phí đất ở cạnh Trường mầm non H4 thuộc khu đất của Hợp tác xã N quản lý. Thời điểm năm 1991 không có nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thu tiền đất ở đó vì hợp tác xã đang hoạt động.

Người làm chứng ông Tạ Văn P trình bày: Ông làm thủ quỹ của UBND xã T từ năm 1987 đến tháng 3/1992. Năm 1990 - 1991 sau khi được UBND huyện T cho phép quy hoạch khu vực đất sân bóng Hữu Bằng thuộc mẫu hai, giao UBND xã thu tiền và cấm đất ở cho dân. Năm 1991 ông làm thủ quỹ UBND xã được Chủ tịch xã giao thu tiền của một số hộ (ông H3 tài chính xã tại thời điểm đang đi học), ông có thu tiền của bà L1 (H) cùng với hộ khác tại khu vực sân bóng mẫu hai, tuyến đường đi vào sư đoàn C (nay là sư đoàn C1). Hiện nay ô đất bà L1 mua do ông Q đang ở và sử dụng thể hiện qua Biên lai thu tiền năm 1991. Nội dung chữ viết trong Biên lai là do ông viết và chữ ký người nhận tiền là chữ ký của ông (vì thời điểm viết phiếu thu ông H3 kế toán ngân sách xã đang đi học giao lại quyển phiếu thu cho ông). Số tiền thu từ 600.000 đồng - 800.000 đồng, chính xác bao nhiêu ông không nhớ. Ông được xem Biên lai tiền mặt do ông Quảng nộp tại Tòa án bản phô tô tuy nhiên chữ viết rất mờ ông nhìn không rõ nội dung chỉ có thấy chữ ký và dấu của UBND xã T, nên ông không xác định được chữ viết trong Biên lai cho bà L1 là chữ viết của ông hay không. Ông khẳng định Biên lai thu tiền mặt năm 1991 ông thu của bà L1 là thu phần diện tích đất thuộc khu vực sân bóng mẫu hai H, không liên quan đến diện tích đất thuộc Hợp tác xã N, xã T thuộc hành lang điểm trường mầm non H4 mà ông Q đang khởi kiện. Đối với diện tích đất mà ông Q đang khởi kiện tại thời điểm năm 1991 ông làm thủ quỹ không có chủ trương cấm bán đất giãn dân và cũng không cấp đất cho ai.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 22, khoản 3 Điều 23, Điều 204, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 7, Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 và Điều 34 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa. Xử:

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu hủy Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T và Quyết định giải quyết khiếu nại số: 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2023, người khởi kiện Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu về kháng cáo của người khởi kiện:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ, đảm bảo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ và chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

+ Đề nghị cấp phúc thẩm: Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vì căn cứ vào khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của người khởi kiện Nguyễn Văn Q, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q làm trong hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết.

1.2. Về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Ngày 01/12/2022 ông Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện UBND xã T hủy Thông báo số 42/TB-UB ngày

12/7/2022 vì nội dung thông báo này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Q. Qua xem xét Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T là văn bản hành chính có nội dung mang tính chất vận động, yêu cầu gia đình ông Quảng tự tháo dỡ, thu dọn, không phải là Quyết định cưỡng chế, chưa làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông Q, chưa xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình ông Q. Căn cứ vào khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Sau đó, ngày 16/02/2023 ông Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T có nội dung giữ nguyên Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T, huyện B. Như vậy, việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T đối với ông Nguyễn Văn Q đã làm ảnh hưởng quyền lợi của ông Nguyễn Văn Q. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2011/HĐTP-TANDTC ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015 thì đây là Quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng Hành chính 2015.

Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T, huyện B không phải là đối tượng khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định người bị kiện là UBND xã T là chưa phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng trong Bản án phúc thẩm của UBND xã T, huyện B cho phù hợp quy định của pháp luật.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 16/02/2023 ông Q có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T là trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày nhận được, biết được quyết định. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện của ông Q còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Q kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

2. Xét về kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Q; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính: Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, thì Chủ tịch UBND có nhiệm vụ, quyền hạn “giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật”. Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011 quy định “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) ... có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết

định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp”. Như vậy, căn cứ vào các quy định trên, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 đối với ông Nguyễn Văn Q về Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T, huyện B là hoàn toàn đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T: Ngày 25/7/2022, UBND xã T nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q thì UBND xã T đã ban hành Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 50/TB-UBND ngày 17/8/2022, đồng thời Chủ tịch UBND xã T đã ra Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q. Ngày 02/11/2022 Phó Chủ tịch UBND xã T được giao phụ trách đã tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 13/12/2022 tổ xác minh đã có Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 110/BC-TXM. Đến ngày 14/12/2022 Chủ tịch UBND xã T ra Quyết định số 232/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q lần đầu. Căn cứ vào các Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Luật khiếu nại năm 2011 thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung Quyết định hành chính bị khởi kiện và Quyết định hành chính có liên quan:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu chứng cứ do người khởi kiện trình bày và xuất trình đó là người khởi kiện đưa ra Biên lai thu tiền mặt năm 1991 bản phô tô ghi tên bà Nguyễn Thị L1 (mẹ của người khởi kiện hiện đã chết). Tại phiên tòa người khởi kiện xuất trình bản gốc Biên lai thu tiền mặt năm 1991 khác với Biên lai thu tiền mặt năm 1991 do người đại diện của UBND xã T nộp cho Tòa án (BL số 109). Tại phiên tòa người khởi kiện khẳng định và cam đoan chỉ có 01 Biên lai thu tiền bản gốc do người khởi kiện xuất trình tại phiên tòa, không có Biên lai nào khác, Biên lai thể hiện tại Bút lục 109 không phải do người khởi kiện nộp. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ là bản gốc do người khởi kiện xuất trình tại phiên tòa trùng khớp với Biên lai thu tiền bản phô tô mà người khởi kiện đã gửi cho Tòa án tại Bút lục số 08 để giải quyết.

Theo lời khai của người bị kiện, lời khai của những người làm chứng thể hiện hồ sơ sổ sách lưu giữ về chính sách giao đất có thu tiền thời điểm năm 1990 - 1991 không còn lưu giữ. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của người làm chứng là những người trực tiếp ký tên trên Biên lai thu tiền và cán bộ trực tiếp giao đất thời điểm năm 1990 - 1991 đều khẳng định năm 1990 - 1991 có chính sách giao đất có thu tiền theo Biên lai thu tiền mặt năm 1991 là tại vị trí đất khu vực sân bóng mẫu 2, H hiện gia đình ông Q đang ở có diện tích là 300m², số tiền thu trực tiếp của bà L1 là 800.000 đồng phù hợp với lời khai của ông Q về số diện tích đất mẹ ông đã mua và số tiền mẹ ông đã nộp; còn vị trí đất theo Quyết định giải quyết khiếu nại 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 giữ nguyên Thông báo số

42/TB-UB ngày 12/7/2022 là vị trí đất khác thuộc Hợp tác xã N cũ nay là công Trường mầm non H4, thời điểm năm 1990 - 1991 không có chính sách giao đất có thu tiền.

Qua xem xét bản đồ 299 được xác lập năm 1987 và sổ mục kê theo bản đồ 299 được lập năm 2000 diện tích tại công Trường mầm non H4, xã T là thửa số 362.9, tờ bản đồ số 7, diện tích 2516m² là đất giao thông, không có diện tích 300m² hoặc 143,7m² ghi tên bà L1 hay ông Q. Theo quy hoạch đất giãn dân khu vực Hợp tác xã được phê duyệt tại Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 30/8/1996 của UBND tỉnh V là đất giao thông không có quy hoạch cấp đất thổ cư trước mặt đường vào Hợp tác xã (nay là trước công Trường mầm non H4, xã T). Tại bản đồ VN2000 và sổ mục kê theo bản đồ VN2000 được xác lập năm 2009 thể hiện là đất giao thông, không có diện tích 300m² hoặc 143,7m² ghi tên bà L1 hay ông Q. Diện tích đất ông Q làm khung thép, vây tôn 02 bề và trồng một số cây là 140m². Ông Nguyễn Văn Q cho rằng gia đình bà L1 được Chủ tịch UBND xã T và các ban ngành đoàn thể giao đất tại vị trí giáp với kho Hợp tác xã Tam Hợp nhưng không có bất kỳ tài liệu gì chứng minh; lời khai này của ông Q mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng là Chủ tịch UBND xã và cán bộ địa chính trực tiếp làm công tác giao đất thời điểm năm 1991.

Quá trình quản lý sử dụng đất theo như lời khai của ông Q thì gia đình ông quản lý sử dụng từ năm 1982 đến nay, tuy nhiên từ năm 1982 cho đến khi có Thông báo số 42 ngày 12/7/2022 của UBND xã T thì gia đình ông Q chưa bao giờ làm thủ tục gì để được cấp GCN, chưa thực hiện bất cứ nghĩa vụ gì đối với nhà nước của người sử dụng đất, không xây dựng công trình kiên cố như nhà ở trên đất; còn việc ông Q cho rằng gia đình ông vây tôn, làm khung thép từ trước năm 2018, tuy nhiên Biên bản kiểm kê tài sản lập ngày 11/6/2019 có chữ ký của ông Q thể hiện không có tài sản là khung thép vây tôn. Do đó, việc ông Q cho rằng gia đình ông vây tôn, làm khung thép từ trước năm 2018 là không đúng sự thật.

Đối với nội dung ông Nguyễn Văn Q cho rằng gia đình ông đã hiến đất và được UBND xã T hứa đền bù, cấp đổi cho thửa đất ở vị trí khác thì quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Q không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh; Ông Q khai là Chủ tịch UBND xã T đến làm việc với ông về việc hiến đất, đền bù đất vào năm 1996, tuy nhiên thời điểm năm 1996 bà L1 là mẹ ông Q vẫn còn sống, phiếu thu tiền ghi tên bà L1, việc bà L1 cho ông Q đất theo như lời khai của ông Q chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gì. Do vậy nếu có việc chính quyền địa phương đến vận động liên quan đến đất thì phải làm việc với bà L1 là người đứng tên trong phiếu thu mới có giá trị, còn ông Q không liên quan gì đến phiếu thu tiền mua thửa đất này. Vì vậy lời khai của ông Q về nội dung này là không có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, có đủ căn cứ xác định gia đình ông Nguyễn Văn Q không được giao đất có thu tiền tại vị trí đất của Hợp tác xã N cũ nay là công Trường mầm non H4. Do đó việc gia đình ông Q tự ý làm khung thép, vây tôn và trồng cây trên đất mà không được sự cho phép của cơ quan nhà nước quản lý về đất đai là vi phạm. Căn cứ vào vi phạm của gia đình ông Q, UBND xã T ra Thông

báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 vận động tự khắc phục, tháo dỡ khi phát hiện có hành vi vi phạm là đúng quy định tại khoản 3 Điều 23, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013.

Vì vậy, nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T về giữ nguyên Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T là đúng và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Về thời hạn thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 có sự vi phạm về thời hạn thụ lý đơn khiếu nại, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên vi phạm này không phải là vi phạm nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất của Quyết định hành chính, không ảnh hưởng hay xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Do đó không cần thiết phải hủy Quyết định hành chính mà chỉ cần nhắc nhở, yêu cầu Chủ tịch UBND xã T nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện B về nội dung giữ nguyên Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 22, khoản 3 Điều 23, Điều 204, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 7, Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 và Điều 34 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 232/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND xã T về nội dung giữ nguyên Thông báo số 42/TB-UB ngày 12/7/2022 của UBND xã T về "...yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn Q tự tháo dỡ, thu dọn toàn bộ phần công trình, vật liệu, tài sản trên đất, trả lại mặt bằng cho UBND xã để phục vụ các công trình công cộng..."

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai số 0004204 ngày 07/3/2023 và nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000225 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Sơn

